

THÔNG BÁO

Vv mời chào hàng cạnh tranh

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức mời chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm "Mua sắm Quặng Apatit nhập khẩu phục vụ sản xuất Nhà máy DAP2".

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ ngày 07 tháng 4 năm 2026 (trong giờ hành chính) đến thời điểm trước 10 h 00 ngày 14 tháng 4 năm 2026 (hết hạn nộp HSDX).

Tại địa điểm sau:

- Trụ sở chính: Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem
- Địa chỉ: Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 0214.3767081 - Fax: 0214.3767047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 10 giờ 30 phút (giờ Việt Nam), ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện nhà thầu tới tham dự lễ mở Hồ sơ đề xuất với thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG



Vũ Việt Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm ” Mua sắm 45.000 tấn quặng nhập khẩu phục vụ sản xuất Nhà máy
DAP số 2”

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 673/QĐ-DAP2 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến

Lào Cai, ngày 07 tháng 4 năm 2026

Chương I

CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời chào hàng Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem (dưới đây gọi tắt là DAP2) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói mua sắm: Mua sắm Quặng Apatit nhập khẩu phục vụ sản xuất Nhà máy DAP2.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vay/Tự có

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

Mục 3. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời chào hàng và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 4. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng của nhà thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 2 chương I của HSYC.

4. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại mục 2 chương III của HSYC, cụ thể: Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận.

Mục 5. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi

giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

Trường hợp nhà cung cấp chào giá tại Hải Phòng/Quảng Ninh, giá mua = giá giao tại Hải Phòng/Quảng Ninh + 495.333 VNĐ/tấn (chi phí vận chuyển từ Hải Phòng/Quảng Ninh về kho Nhà máy DAP số 2, chưa bao gồm VAT theo đơn giá vận chuyển trung bình Công ty đã thu thập tại thời điểm lập dự toán)

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào hàng bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời chào hàng

- Giá chào trên là cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời chào hàng có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 7. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị ít nhất 01 bản HSDX.

2. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh, túi đựng HSDX của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời chào hàng. Trường hợp nộp qua hình thức email (qua địa chỉ vanthu.dap2@gmail.com), tiêu đề thư phải ghi rõ Hồ sơ CHCT cung cấp quặng apatit, không mở trước 10 h 30 ngày 14 tháng 4 năm 2026. Bên mời chào hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu.

4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 8. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện/email đến địa chỉ của

bên mời chào hàng nhưng phải đảm bảo bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 10 h 00 ngày 14 tháng 4 năm 2026.

2. Bên mời chào hàng sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm hết hạn nộp HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời chào hàng trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Trước thời điểm hết hạn nộp HSDX, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời chào hàng với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 9. Mở HSDX

1. Bên mời chào hàng tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 10 h 30 ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Bên mời chào hàng phải lập biên bản mở thầu gồm các thông tin chủ yếu của HSDX của các nhà thầu: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của HSDX; được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào hàng và các nhà thầu tham dự. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực.

Mục 10. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời chào hàng.

2. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 11. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát

sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 12. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 13. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax hoặc email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 14. Điều kiện ký kết hợp đồng

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

Chương II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật

- Tên đơn hàng: Mua sắm Quặng Apatit nhập khẩu phục vụ sản xuất của Nhà máy DAP2;
- Tên vật tư: Quặng Apatit nhập khẩu
- Đặc tính kỹ thuật:
 - + Dạng sản phẩm: Bột/nghiền.
 - + Hàm lượng P_2O_5 : $27\% \pm 0,5$.
 - + Độ ẩm (H_2O): 4%. Độ ẩm vượt quá 4% sẽ được giảm trừ vào khối lượng giao nhận.
 - + Cỡ hạt: +4,5mm tối đa 10%, cỡ hạt từ 0-4,5mm đạt tối thiểu 90%;
 - + Xuất xứ: Ai Cập; Đóng gói: Hàng rời.
- Khối lượng: 45.000 tấn (trong phạm vi $\pm 10\%$).

Mục 2. Các yêu cầu khác

2.1. Thời gian và địa điểm giao hàng

- Thời gian thực hiện: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho DAP2 (KCN Tăng Loỏng, Xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai). Trường hợp giao hàng tại Hải Phòng/Quảng Ninh thì điều kiện giao nhận sẽ được các bên thoả thuận khi thương thảo.
- Tiến độ giao nhận hàng theo lịch thống nhất của hai bên.

2.2. Thanh toán

- Hình thức nghiệm thu thanh toán: Nghiệm thu thanh toán 01 lần khi kết thúc lô hàng.
- Thời gian thanh toán: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao xong lô hàng và hai bên ký biên bản nghiệm thu, Bên mua nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

2.3. Nguồn gốc hàng hoá

- Hàng hoá chào giá có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Bên bán cam kết cung cấp các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá cung cấp.
- Bên bán cung cấp đầy đủ hồ sơ, giấy phép khai thác quặng do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp.

Chương III

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- b) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng;
- d) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- e) Nhà thầu không có tên trong 2 hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại mục này.

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá
1.	Kinh nghiệm Nhà cung cấp	
1.1.	Kinh nghiệm chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh	
	Có tối thiểu 01 năm hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại vật tư hàng hóa	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2.	Năng lực tài chính trong năm 2025	
	Năng lực tài chính trong năm 2025 (Thể hiện trên Báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận)	

Doanh thu trung năm 2025 của Nhà cung cấp đạt từ 208 tỷ đồng trở lên	Đạt
Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

(Đối với các đơn vị đã cung cấp Quặng nhập khẩu cho Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem từ năm 2024 đến nay không cần đánh giá các chỉ tiêu tại mục số 1 - Kinh nghiệm Nhà cung cấp)

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm được chuyển sang đánh giá về giá.

Mục 3. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 4. Đánh giá về yêu cầu kỹ thuật

Việc đánh giá về đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được thực hiện theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà thầu được đánh giá là đạt về yêu cầu kỹ thuật khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại chương II - Yêu cầu đối với gói thầu.

Chương IV
BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết đàm phán, hoàn thiện và ký hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày hết hạn nộp HSDX theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời chào hàng] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào hàng cùng với đơn chào hàng. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Gói mua sắm “Mua sắm Quặng Apatit phục vụ sản xuất Nhà máy DAP2”

1. Tên hàng hoá, khối lượng, chất lượng, giá cả:

STT	Tên hàng hoá	Nguồn gốc, xuất xứ	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=I*2</i>
1	Quặng Apatit nhập khẩu (tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại mục 1 chương II)		45.000 (trong phạm vi $\pm 10\%$)		
Thuế GTGT%:					
Tổng cộng:					

2. Nguồn gốc, xuất xứ:

3. Thời gian giao hàng

4. Địa điểm giao hàng:

5. Thanh toán:

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá chào bao gồm toàn bộ các chi phí để đưa hàng về kho bên mua.
- Giá chào trên là cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện.
- Nguồn gốc, xuất xứ: Ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của hàng hoá chào giá.

Mẫu số 04. Dự thảo hợp đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: /2026/HĐM/DAP2

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Biên bản thương thảo ngày / /2026.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026 tại Trụ sở Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

Địa chỉ : Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai

Điện thoại : 02143767048

Mã số thuế : 5300265969

Tài khoản : 0951000999999 tại Ngân hàng VCB - CN Lào Cai
Hoặc 1003880721 tại Ngân hàng SHB – CN Lào Cai

Đại diện **Vũ Việt Tiến** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN BÁN:

Địa chỉ :

Điện thoại : - Fax:

Mã số thuế :

Tài khoản :

Đại diện : - Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán quặng apatit với các điều khoản sau:

Điều 1. Khối lượng

Bên bán đồng ý bán cho bên mua Quặng apatit nhập khẩu khối lượng 45.000 tấn ($\pm 10\%$).

Điều 2. Quy cách, chất lượng

Hàm lượng P2O5: tối thiểu $27\% \pm 0,5$.

Hàm lượng MgO+ Al2O3+ Fe2O3: tối đa 2,5%;

Độ ẩm: Tối đa 4%. Độ ẩm vượt quá 4% sẽ được giảm trừ vào khối lượng giao nhận.

Cỡ hạt: + 4,5mm tối đa 10%, cỡ hạt từ 0-4,5mm đạt tối thiểu 90%.

Quy cách: Hàng rời;

Xuất xứ: Ai Cập.

Điều 3. Giá cả và giá trị hợp đồng

3.1. Đơn giá cố định:.....đồng/tấn (*Bằng chữ: một tấn*).

- Giá trên là giá giao hàng tại kho bên mua chưa bao gồm thuế GTGT.

3.2. Tổng giá trị Hợp đồng:

TT	Hàng hóa	Khối lượng (Tấn), ($\pm 10\%$)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) ($\pm 10\%$)
1	Quặng apatit	45.000		
	Cộng:	45.000		
	Thuế GTGT			
	Tổng giá trị hợp đồng sau thuế:			
<i>(Bằng chữ:)</i>				

Thuế giá trị gia tăng (VAT) của hợp đồng được xác định theo quy định của Nhà nước.

Giá trị thực tế của hợp đồng sẽ được tính theo khối lượng thực tế giao nhận giữa các bên trên cơ sở phạm vi khối lượng quy định tại Điều 1 (Căn cứ theo biên bản xác nhận khối lượng, chất lượng, giá trị thanh toán của bên bán và bên mua tại địa điểm giao hàng).

Điều 4. Phương thức thanh toán

4.1. Thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.
- Thời hạn thanh toán:

Thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên bán giao xong lô hàng tại Hải Phòng (theo ngày trên chứng thư giám định khối lượng và chất lượng hàng tại địa điểm giao hàng của đơn vị giám định độc lập) và bên mua nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

4.2. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Hóa đơn tài chính thuế GTGT do bên bán phát hành;
- Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), bản sao Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) (Trường hợp bên mua mua toàn bộ khối lượng hàng thể hiện trên CO, CQ, bên bán phải cung cấp CO, CQ gốc cho bên mua).
- Bản gốc Chứng thư giám định chất lượng/phẩm chất của bên thứ 3 (đơn vị giám định độc lập có đủ chức năng, nhiệm vụ) tại địa điểm giao hàng;
- Biên bản quyết toán khối lượng và chất lượng, giá trị hàng hóa ký giữa bên mua và bên bán;
- Biên bản bàn giao toàn bộ chứng từ quyết toán lô hàng làm cơ sở xác định thời hạn thanh toán.

Điều 5. Giao hàng

5.1. Thời gian giao hàng: Hoàn thành giao nhận toàn bộ lô hàng chậm nhất đến hết ngày

5.2. Địa điểm giao hàng: Bên bán giao hàng cho bên mua trên tàu biển tại vùng neo Quảng Ninh.

5.3. Khối lượng: Theo chứng thư giám định khối lượng của đơn vị giám định độc lập tại địa điểm giao hàng. Chi phí giám định bên bán chịu.

5.4. Chất lượng: Theo chứng thư giám định chất lượng của đơn vị giám định độc lập tại địa điểm giao hàng. Chi phí giám định bên bán chịu.

5.5. Nếu hàng hóa không đúng chất lượng theo quy định của Hợp đồng thì bên mua được quyền từ chối nhận hàng.

5.6. Tiến độ giao nhận hàng: theo thoả thuận.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên

6.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên mua:

- Nếu quá thời hạn giao hàng nêu tại khoản 5.1 điều 5 của Hợp đồng mà bên bán vẫn chưa giao hàng cho bên mua, bên mua có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Có trách nhiệm thông báo kế hoạch nhận hàng cho bên bán 05 ngày trước thời điểm nhận hàng; Bố trí đủ phương tiện nhận hàng theo đúng thời hạn quy định tại khoản 5.1 điều 5.

- Có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không đáp ứng đúng tiêu chuẩn tại điều 2.

- Thanh toán cho bên bán theo quy định tại Điều 4.

6.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên bán:

- Cung cấp hàng đúng chủng loại, đủ khối lượng, đảm bảo chất lượng và tiến độ giao hàng theo nội dung đã được quy định trong hợp đồng.

- Cung cấp đầy đủ chứng từ của lô hàng tại điều 4. Bên bán phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ của lô hàng; về ký mã hiệu của sản phẩm, chất lượng hàng hóa và các tài liệu liên quan theo đúng hợp đồng.

- Phối hợp với người đại diện của bên mua giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Xuất hóa đơn tài chính cho bên mua theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về những hậu quả pháp lý do hóa đơn bên bán lập.

Điều 7. Phạt vi phạm hợp đồng

7.1. Phạt về giao hàng hóa không đủ khối lượng theo hợp đồng: Bên bán bị phạt 8,0% đối với giá trị của phần khối lượng hàng hóa không giao đủ. Ngược lại, nếu bên mua không nhận hết khối lượng theo quy định của hợp đồng thì bị phạt 8,0% đối với giá trị của phần khối lượng hàng hóa không nhận đủ.

7.2. Phạt về giao hàng không đúng tiến độ: Bên bán bị phạt tiền chậm giao hàng với mức lãi suất 6,0%/năm (lãi đơn) đối với giá trị của phần khối lượng hàng hóa chưa giao hết trong trường hợp phát sinh do lỗi của bên bán. Tổng giá trị phạt này không vượt quá 8,0% giá trị hợp đồng.

7.3. Phạt về không thanh toán đúng thời hạn hợp đồng: Nếu bên mua chậm thanh toán thì sẽ phải trả bên bán tiền chậm thanh toán bằng lãi suất 6,0%/năm (lãi đơn) đối với giá trị chậm thanh toán.

Điều 8. Bất khả kháng

Các bên ký kết hợp đồng sẽ không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện chậm các điều kiện và điều khoản trong trường hợp nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của hai bên – trường hợp này gọi là “bất khả kháng” như: Hoả hoạn, thiên tai, nổ, lũ lụt, bão, đình công, chiến tranh, dịch bệnh... Khi trường hợp này xảy ra bên gặp “bất khả kháng” phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trong vòng 03 ngày và kèm theo xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó của một tổ chức có thẩm quyền. Khi bất kỳ trường hợp “bất khả kháng” trên kết thúc, các điều kiện và điều khoản của hợp đồng sẽ có hiệu lực ngay.

Điều 9. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết theo nguyên tắc thương lượng. Trong trường hợp hai bên không thể đi đến thương lượng thì mọi tranh chấp phát sinh xảy ra sẽ được đưa ra Toà án kinh tế – Toà án Nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết, phán quyết của Toà án là kết luận cuối cùng và ràng buộc các bên; mọi chi phí của toà án do bên thua kiện chịu.

Điều 10. Các cam kết và điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng đã ký. Bên nào vi phạm thì phải chịu trách nhiệm và phải chịu phạt theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế hiện hành.

- Bất kỳ sửa đổi và/hoặc bổ sung nào vào hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên thì mới có hiệu lực.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng và không có tranh chấp phát sinh thì hợp đồng coi như được thanh lý.

Hợp đồng gồm 04 trang được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

